

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22A /2022/DS - ST
Ngày 08 tháng 6 năm 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Ông Nguyễn Văn Môn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh –Thư ký TAND thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Chu Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở TAND thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 29/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-DS ngày 20/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Chị Thân Thị Lan A, sinh năm 1976 (có mặt)

2. Anh Hoàng Sỹ H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của Anh Hoàng Sỹ H: Chị Thân Thị Lan A, sinh năm 1976 (Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2022)

Cùng địa chỉ: Số 10, tổ 8, ngõ 189, đường X, phường Ng, thành phố B, tỉnh G

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 7, tổ 6, đường Tr, phường H, thành phố B, tỉnh G .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên vợ chồng chị (Thân Thị Lan A- Hoàng Sỹ H) đã cho chị Nguyễn Thị Q vay tổng số tiền 110.000.000đồng. Các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 14/8/2017 (âm lịch) cho Chị Nguyễn Thị Q vay số tiền 20 triệu đồng, mục đích vay như chị Q nói để thêm vào tiền hàng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền; chữ viết tay, chữ ký trong giấy vay tiền là do chị Q viết, ký; thời hạn vay chị Q hẹn đến ngày 24/11/2017 (âm lịch) trả số tiền trên, hai bên thỏa thuận miệng về việc trả lãi theo lãi suất cho vay của Ngân hàng, lãi trả hàng tháng. Chị Q là người hỏi vay số tiền trên và là người trực tiếp nhận

tiền vay. Đến hạn trả nợ, chị Q không trả cho vợ chồng chị số tiền vay như đã cam kết trong giấy vay tiền. Tính đến nay chị Q chưa trả vợ chồng chị khoản tiền gốc nào.

Về tiền lãi chị Q mới trả tiền lãi kể từ ngày vay 14/8/2017 đến ngày 24/11/2017, đến nay không trả thêm khoản tiền lãi nào. Do thời gian đã lâu, khi hai bên thanh toán trả lãi không viết giấy tờ, không ghi sổ sách nên chị không nhớ được tổng số tiền lãi chị Q đã trả từ ngày 14/8/2017 đến ngày 24/11/2017.

- Ngày 16/12/2017 (âm lịch) cho Chị Nguyễn Thị Q vay số tiền 60 triệu đồng, mục đích vay như chị Q nói để thêm vào tiền hàng, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, chữ ký, chữ viết tay trong giấy vay tiền là do chị Q viết, ký, thời hạn vay chị Q hẹn đến ngày 27/3/2018 (âm lịch) trả số tiền trên, hai bên thỏa thuận miệng về việc trả lãi theo lãi suất cho vay của Ngân hàng, lãi trả hàng tháng. Chị Q là người hỏi vay số tiền trên và là người trực tiếp nhận tiền vay. Đến hạn trả nợ, chị Q không trả vợ chồng chị số tiền vay như đã cam kết trong giấy vay tiền. Tính đến nay, chị Q chưa trả vợ chồng chị khoản tiền gốc nào.

Về tiền lãi chị Q mới trả tiền lãi kể từ ngày vay 16/12/2017 đến ngày 27/3/2018, đến nay không trả thêm khoản tiền lãi nào. Do thời gian đã lâu, khi hai bên thanh toán trả lãi không viết giấy tờ, không ghi sổ sách nên chị không nhớ được tổng số tiền lãi chị Q đã trả từ ngày 16/12/2017 đến ngày 27/3/2018.

- Ngày 09/3/2018 (âm lịch) cho Chị Nguyễn Thị Q vay số tiền 30 triệu đồng, mục đích vay như chị Q nói để thêm vào tiền hàng kinh doanh shop Bé Bông. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền; chữ ký, chữ viết tay trong giấy vay tiền là do chị Q viết, ký; thời hạn vay từ ngày 10/3/2018 đến ngày 20/6/2018 (âm lịch); lãi suất theo thỏa thuận là theo lãi suất cho vay của Ngân hàng, lãi trả hàng tháng. Chị Q là người hỏi vay vợ chồng chị số tiền trên và là người trực tiếp nhận tiền vay. Đến hạn trả nợ, chị Q không trả vợ chồng chị số tiền vay như đã cam kết trong giấy vay tiền. Tính đến nay, chị Q chưa trả vợ chồng chị khoản tiền gốc nào.

Về tiền lãi chị Q mới trả tiền lãi kể từ ngày vay 10/3/2018 đến ngày 20/6/2018. Do thời gian đã lâu, khi hai bên thanh toán trả lãi không viết giấy tờ, không ghi sổ sách nên chị không nhớ được tổng số tiền lãi chị Q đã trả từ ngày 10/3/2018 đến ngày 20/6/2018.

Chị xác định toàn bộ số tiền vay nêu trên vợ chồng chị cho cá nhân chị Q vay trên cơ sở tin tưởng bạn bè. Toàn bộ số tiền cho chị Q vay là của chung vợ chồng chị.

Ngoài ra, ngày 29/9/2018 chị có bán cho chị Q một số mặt hàng gồm quần áo trẻ em như đã liệt kê tại giấy bán hàng ghi ngày 29/9/2018 với tổng số tiền là 19.520.000 đồng. Số tiền hàng này chị Q chưa trả cho chị, hai bên không viết giấy tờ, không ghi sổ sách. Toàn bộ chữ viết trong giấy ghi ngày 29/9/2018 là do chị viết, chị Q chưa ký xác nhận.

Chị không biết chị Q đang sinh sống, làm ăn ở đâu. Chị đã nhiều lần đến địa chỉ số nhà 7, tổ 6, đường Tr, phường H, thành phố B, tỉnh G (là địa chỉ nơi ở của chị Q) để yêu cầu trả tiền nhưng đều không gặp được chị Q, không hỏi được thông tin gì về chị Q. Do vậy, vợ chồng chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Chị Nguyễn Thị Q trả tổng số tiền gốc là 110 triệu đồng và tiền lãi của tổng số tiền 110 triệu đồng, thời gian trả từ ngày 20/7/2018 (là ngày chị Q không trả tiền lãi đối với khoản tiền vay ngày 09/3/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất là 10%/năm.

- Buộc Chị Nguyễn Thị Q trả số tiền lấy quần áo là 19.520.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn là Chị Nguyễn Thị Q đang có nghĩa vụ phải trả nợ gốc và hàng tháng phải trả lãi cho Chị Thân Thị Lan A và Anh Hoàng Sỹ H nhưng chị Q đi khỏi nơi cư trú không thông báo cho chị Lan A, anh H và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú. Tòa án đã tiến

hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác tại địa chỉ số 7, tổ dân phố số 6, phường H, thành phố B, tỉnh G (là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Q và là địa chỉ ghi trong các giấy vay tiền) đồng thời thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 20/5/2022: Bị đơn vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 08/6/2022:

Bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do

Nguyên đơn trình bày:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả tiền gốc 110 triệu đồng; yêu cầu trả tiền lãi của số tiền vay 110 triệu đồng, mức lãi suất 10%/năm, thời gian trả từ 20/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/6/2022.

- Đối với số tiền 19.520.000 đồng nguyên đơn xin rút yêu cầu, không đề nghị giải quyết.

- Đối với lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nguyên đơn chịu cả, không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Buộc Chị Nguyễn Thị Q trả Chị Thân Thị Lan A và Anh Hoàng Sỹ H số tiền gốc 110.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/6/2022 là 42.130.000. Tổng cộng là 152.130.000 đồng.

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Chị Thân Thị Lan A - Anh Hoàng Sỹ H về việc buộc Chị Nguyễn Thị Q trả số tiền lấy hàng là 19.520.000 đồng.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là Anh Hoàng Sỹ H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Bị đơn là Chị Nguyễn Thị Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, tiền lãi cho vay theo các giấy vay tiền do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận, cam kết tại các giấy vay tiền; yêu cầu trả số tiền 19.520.000 đồng do bị đơn lấy hàng chưa trả. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự cụ thể là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa

vụ trả tiền”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo bị đơn đến Tòa án để viết bản tự khai, đề Tòa án lấy lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến làm việc, không nộp bản tự khai. Tòa án đã có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu bị đơn cung cấp văn bản ý kiến thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn không cung cấp.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (bản gốc giấy vay tiền ngày 14/8/2017, ngày 16/12/2017 và ngày 09/3/2018) có đủ căn cứ xác định ngày 14/8/2017 Chị Thân Thị Lan A – Anh Hoàng Sỹ H cho Chị Nguyễn Thị Q vay số tiền 20 triệu đồng, ngày 16/12/2017 cho Chị Nguyễn Thị Q vay 60 triệu đồng và ngày 09/3/2018 cho Chị Nguyễn Thị Q vay 30 triệu đồng là có thật. Do vậy, yêu cầu của Chị Thân Thị Lan A – Anh Hoàng Sỹ H về việc buộc Chị Nguyễn Thị Q trả tổng số tiền gốc là 110 triệu đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[4] Về yêu cầu đòi nợ lãi của nguyên đơn:

[4.1] Tại giấy vay tiền ngày 09/3/2018 thể hiện Chị Nguyễn Thị Q vay của Chị Thân Thị Lan A và Anh Hoàng Sỹ H số tiền 30 triệu đồng, thời hạn vay từ ngày 10/3/2018 đến ngày 20/6/2018, lãi xuất theo thỏa thuận. Căn cứ Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015 xác định đây là Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

[4.2] Tại giấy vay tiền ngày 14/8/2017, giấy vay tiền ngày 16/12/2017 thể hiện Chị Nguyễn Thị Q vay của Chị Thân Thị Lan A - Anh Hoàng Sỹ H số tiền 20 triệu đồng, thời hạn vay đến ngày 24/11/2018 (giấy vay tiền ngày 14/8/2017) và số tiền 60 triệu đồng, thời hạn vay đến ngày 27/3/2018 (giấy vay tiền ngày 16/12/ 2017). Trong cả hai giấy vay tiền nêu trên, Chị Nguyễn Thị Q đều cam kết trả nợ gốc, nợ lãi đúng thời hạn. Căn cứ Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015 xác định đây là các Hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

[4.3] Trong các giấy vay tiền (14/8/2017, 16/12/2017 và 09/3/2018) chỉ ghi thỏa thuận của hai bên về việc bên vay (chị Q) cam kết trả đầy đủ, đúng hạn tiền gốc, tiền lãi, không ghi cụ thể mức lãi suất hai bên thỏa thuận. Theo lời khai nguyên đơn thì lãi suất hai bên thỏa thuận là theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng. Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 quy định *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi của tổng số tiền vay 110 triệu đồng từ ngày 20/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/6/2022, mức lãi suất là 10%/năm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 470; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên cần chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi tròn năm, tròn tháng, không yêu cầu tính ngày. Từ ngày 20/7/2018 đến ngày 08/6/2022 là 03 năm 10 tháng, mức lãi suất là 10%/năm (tương ứng 0,83%/ tháng):

Số tiền lãi của 03 năm là: 110.000.000đồng x 10% x 03 năm = 33.000.000đồng.

Số tiền lãi của 10 tháng là: 110.000.000đồng x 0,83% x 10 tháng = 9.130.000 đồng.

Tổng số tiền lãi là 42.130.000.000đồng.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền hàng 19.520.000 đồng: Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đối với số tiền 6000.000đồng lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, nguyên đơn đã nộp và nhận chịu cả, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

X

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468; khoản 2 Điều 470; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc Chị Nguyễn Thị Q trả Chị Thân Thị Lan A - Anh Hoàng Sỹ H số tiền gốc 110.000.000đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/6/2022 là 42.130.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 14/8/2017, ngày 16/12/2017 và ngày 09/3/2018. Tổng cộng là 152.130.000 đồng (*bằng chữ: Một trăm năm mươi hai triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng*).

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Chị Thân Thị Lan A - Anh Hoàng Sỹ H về việc buộc Chị Nguyễn Thị Q trả số tiền lấy hàng là 19.520.000đồng theo giấy ghi ngày 29/9/2018.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 7.606.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Chị Thân Thị Lan A - Anh Hoàng Sỹ H số tiền 4.070.000 đồng tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001359 ngày 11/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi

hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp Bắc Giang.
- CCTHADS Tp Bắc Giang .
- Các đ- ơng sự.
- L- u HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

